

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI KKF VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI KKF VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: KKF VIET NAM COMMERCIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

2. Mã số doanh nghiệp: 0108325123

3. Ngày thành lập: 15/06/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà số 2/7 ngách 322/95/14 đường Nhân Mỹ, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 08.68829559

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm).	8299
2.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
3.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác	4530
4.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
5.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
6.	Bán buôn đồ uống	4633
7.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
8.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
9.	Bán buôn gạo	4631
10.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ Đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ))	4799
11.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ Hoạt động đấu giá qua internet và đấu giá khác không ở cửa hàng (bán lẻ))	4791
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

17.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
19.	Cho thuê xe có động cơ	7710
20.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
21.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
22.	Bán buôn thực phẩm	4632
23.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
24.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá ô tô và xe có động cơ khác)	4513
25.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
26.	Bán mô tô, xe máy (Trừ môi giới, đầu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)	4541
27.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
28.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đầu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)	4543
29.	Đại lý, môi giới, đầu giá Chi tiết: Đại lý	4610
30.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
31.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
32.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
33.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
34.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
35.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
36.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đầu giá ở cửa hàng chuyên doanh)	4773
37.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ	4781
38.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ Bán buôn vàng và kim loại quý khác.)	4662
39.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
40.	Bán buôn tổng hợp	4690(Chính)
41.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
42.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN NAM	Thôn Đông Tiến, Xã Tân Tiến, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.000	150.000.000	15,000	001090009133	
			Tổng số	15.000	150.000.000	15,000		
2	MAI THỊ VÂN ANH	Khu Hùng Tiến 2, Thị trấn Vũ Thư, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	45,000	151637080	
			Tổng số	45.000	450.000.000	45,000		
3	LÊ VĂN KHÁNH	Thôn Hạnh Côn, Xã Nam Phương Tiến, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	40,000	112306003	
			Tổng số	40.000	400.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: MAI THỊ VÂN ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 19/05/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 151637080

Ngày cấp: 21/07/2009

Nơi cấp: CA Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu Hùng Tiến 2, Thị trấn Vũ Thư, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Nhà số 2/7 ngách 322/95/14 đường Nhân Mỹ, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội